

**PHẦN 3: NÊU DẪN CÁC VIỆC:
THỌ GIỚI, THUYẾT GIỚI, AN CỬ, TỰ TỬ, DA THUỘC,
Y, THUỐC V.V...**

Chương V: DA THUỘC

I-NHÂN DUYÊN THỦ-LUNG-NA

1. Hai Bàn Chân

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ tại thành Chiêm-ba¹⁴⁴⁵ có con ông đại trưởng giả, tự là Thủ-lung-na.¹⁴⁴⁶ Cha mẹ của Thủ-lung-na chỉ sinh được một con nên rất thương yêu. Từ nhỏ đến lớn quen sống vui sướng, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân mọc lông. Vua nước Ma-kiệt¹⁴⁴⁷ nghe trong thành Chiêm-ba có con ông đại trưởng giả, tự là Thủ-lung-na. Cha mẹ của Thủ-lung-na chỉ sinh được một con nên rất thương yêu. Từ nhỏ đến lớn quen sống vui sướng, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân mọc lông. Vua muốn được thấy, liền ra lệnh cho ông chủ thành Chiêm-ba¹⁴⁴⁸ bảo các trưởng giả đều đem con của mình đến chỗ nhà Vua. Ông chủ thành Chiêm-ba ra lệnh các ông trưởng giả đem con của họ đến chỗ Vua Ma-kiệt. Khi đến nơi, họ đánh lễ sát chân nhà Vua, rồi đứng qua một bên, tâu với Vua:

- Đại vương muốn thấy con của các đại trưởng giả trong thành Chiêm-ba. Đây là một đứa từ nhỏ đến lớn quen theo sống sung sướng, cha mẹ rất thương yêu, chân chưa từng dẫm lên đất để đi, dưới bàn chân mọc lông. Xin Vua cho phép dùng vải trải trên đất.

Vua cho phép lấy vải trải trên đất. Con ông trưởng giả có tên Thủ-lung-na liền dùng vải trải trên đất, bước đến chỗ nhà Vua, đầu mặt kính

1445. Chiêm-bà 瞻婆. Pali: Campā, thủ phủ của nước Anga, lân bang thân thiện với Magadha.

1446. Thủ-lung-na 守籠那. Pali (Vin.i. 179): Sono-Komiviso setthi-putto, Sona-Komivisa, con trai của một nhà phú hộ.

1447. Pali, ibid., rājā Magadho Seniyo Bimbāro.

1448. Thành chủ Chiêm-ba là vua nước Ưng-già, không phải thân dân của Vua nước Ma-kiệt. Nhưng Ma-kiệt và Ưng-già có thời liên kết. Vin. ibid., Bimbisāra cai trị 80 ngàn thôn. Vua tập tộ 80 ngàn thôn trưởng.

lễ. Nhà Vua thấy dưới bàn chân mọc lông. Lòng Vua rất hoan hỷ, liền ban cho¹⁴⁴⁹ những lợi ích trong đời hiện tại và nói:

- Ta đã cho các người những lợi ích trong đời hiện tại. Đức Thế Tôn hiện ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá. Các người có thể đến đó để chiêm ngưỡng và lễ bái hỏi chào Ngài. Ngài sẽ cho người những điều có lợi ích cho đời sau.

Bấy giờ, chủ thành Chiêm-ba và các trưởng giả nghe Vua nói, rồi cùng nhau đến trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy Trưởng lão Ta-kiệt-đà¹⁴⁵⁰ là thị giả của Phật, đang ngồi trên tảng đá lớn ở một chỗ nọ. Ông chủ thành Chiêm-ba đến chỗ trưởng lão Ta-kiệt-đà, hỏi:

- Hiện nay Đức Thế Tôn ở đâu? Chúng tôi muốn diện kiến Đức Như Lai.

Ta-kiệt-đà bảo:

- Chờ một chút! Trưởng giả hãy để tôi bạch Phật.

Trưởng lão Ta-kiệt-đà liền biến mất khỏi tảng đá, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, đến trước Đức Phật, bạch:

- Trưởng giả Chiêm-ba muốn diện kiến Đức Thế Tôn.

Phật bảo:

- Ông đến nơi nhà mát trải chỗ ngồi. Ta sẽ đến đó.

Ta-kiệt-đà vâng lời dạy, trải chỗ ngồi xong, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên bạch:

- Con đã trải chỗ ngồi xong. Bây giờ là phải thời.

Đức Thế Tôn từ trong nhà bước ra, đến ngồi vào chỗ ngồi đã trải sẵn, bảo Ta-kiệt-đà:

- Mời trưởng giả Chiêm-ba đến!

Trưởng lão Ta-kiệt-đà liền biến mất trước Đức Phật, trong khoảnh khắc như kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, đã có mặt nơi tảng đá.

Ông trưởng giả thấy liền khen:

- Thật chưa từng có! Đệ tử Đức Thế Tôn thần túc còn như thế, huống là Đức Như Lai.

Ta-kiệt-đà nói:

- Thưa Trưởng giả. Bây giờ là phải thời.

Ông chủ thành Chiêm-ba đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ rồi lui ra ngồi một bên. Đức Thế Tôn liền vì ông chủ thành Chiêm-ba và các con trưởng giả phương tiện nói pháp. Ngài nói pháp về bố thí, về

1449. Pali, cho 80 ngàn thôn trưởng.

1450. Ta-kiệt-đà 娑竭陀. Pali: Sāgata. Truyện về vị thị giả này, xem Phần I, Ch. v, duyên khởi Ba-dật-đề 51 (Tỳ-kheo uống rượu).

trì giới, về sinh thiên. Họ liền ngay trên chỗ ngồi mà được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng, không còn thối lui; bạch Phật:

- Đại đức, chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận chúng con làm người Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Con ông trưởng giả có tên Thủ-lung-na ngồi trong đám đông, nghĩ: Ta nghe lời Phật dạy, ở tại gia cùng vợ con khó tu hạnh thanh tịnh. Nay ta nên theo Phật, xin cạo bỏ râu tóc, xuất gia làm đạo. Rồi có ý chờ mọi người giải tán.

Bấy giờ chủ thành Chiêm-ba nghe Đức Phật phương tiện nói các pháp, sinh tâm đại hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ, nhiễu quanh Đức Phật và cáo lui. Con ông trưởng giả tên là Thủ-lung-na trở lại, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, rồi lui ra đứng một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Con vừa nghe Phật nói, nếu ở tại gia cùng vợ con khó có thể tu hạnh thanh tịnh. Nay con muốn theo Đức Thế Tôn, xin cạo bỏ râu tóc, cho con xuất gia làm đạo.

Đức Phật hỏi Thủ-lung-na.

- Cha mẹ ông đã cho phép chưa?

Thủ-lung-na thưa:

- Thế Tôn, cha mẹ con chưa cho phép.

Đức Phật dạy:

- Nếu cha mẹ con không cho phép, Như Lai không nhận con xuất gia.

Thủ-lung-na thưa:

- Con sẽ tìm cách để cha mẹ con cho phép.

Đức Phật dạy:

- Nay phải thôi.

Bấy giờ Thủ-lung-na trở lại thành Chiêm-ba, đến chỗ cha mẹ

hứa: - Con vừa nghe Phật nói, sống tại gia cùng vợ con không thể tu hạnh thanh tịnh được. Nay con muốn theo Phật cạo bỏ râu tóc để xuất gia hành đạo. Xin cha mẹ cho phép.

Cha mẹ Thủ-lung-na nói:

- Phép xuất gia quá khó. Làm Sa-môn cũng không phải dễ. Chỉ bằng con sống tại gia, vui với ái dục, tùy ý làm việc phước. Khỏi phải xuất gia.

Thủ-lung-na nghe cha mẹ nói như vậy, vẫn cố xin lần thứ hai, lần thứ ba như vậy, chứ không chịu thôi. Thủ-lung-na ba lần thưa xin cha mẹ như vậy, cha mẹ vẫn không cho. Bấy giờ, Thủ-lung-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi ngồi xuống đất và nói:

- Từ nay trở đi, con không tắm rửa, không thoa hương thơm, không uống nước, không ăn. Hoặc chết, hoặc xuất gia.

Một ngày không ăn, cho đến năm ngày không ăn. Bà con, bạn bè của Thủ-lung-na nghe Thủ-lung-na muốn theo Phật cạo bỏ râu tóc, xuất gia làm đạo mà cha mẹ không cho, đã không ăn cho đến năm ngày. Các bà con thân quen của Thủ-lung-na bèn đến chỗ Thủ-lung-na, nói:

- Đứng dậy đi, Thủ-lung-na. Hãy đi tắm, thoa hương thơm, ăn uống, làm việc phước đức theo ý muốn. Chứ xuất gia không phải dễ. Làm Sa-môn cũng rất khó. Thôi đi, đừng xuất gia nữa.

Thủ-lung-na nghe các bà con thân quen nói như vậy, vẫn giữ nguyên ý nguyện. Bấy giờ các bạn của Thủ-lung-na đến chỗ cha mẹ của Thủ-lung-na nói:

- Hãy cho Thủ-lung-na xuất gia làm đạo. Nếu vui sống xuất gia thì còn thường gặp. Nếu không vui xuất gia nữa, sẽ trở về lại. Chứ nếu để Thủ-lung-na chết thì làm sao?

Cha mẹ Thủ-lung-na nghe xong liền nói:

- Thôi thì tùy ý xuất gia.

Thủ-lung-na nghe cha mẹ cho phép rồi, trong lòng tự nghĩ: Nay ta gầy yếu thế này không kham ngày ăn một bữa. Cần phải bồi dưỡng một chút. Khi Thủ-lung-na có ít nhiều sức khỏe, liền đến chỗ cha mẹ thưa:

- Nay con xin đi xuất gia.

Cha mẹ nói:

- Nay hợp thời.

Thủ-lung-na liền đến chỗ Đức Thế Tôn trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá, đầu mặt kính lễ rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

- Cha mẹ con đã cho con xuất gia làm đạo. Cúi xin Phật độ cho con, được thọ đại giới.

Đức Phật liền cho xuất gia thọ đại giới.

Bấy giờ cha mẹ Thủ-lung-na, trong khoảng cách giữa hai thành, thiết lập bảy trạm ngựa để mang thức ăn còn nóng đến Thủ-lung-na cho kịp thời. Đến giờ, Thủ-lung-na đem thức ăn này cúng dường các Thượng tọa, rồi tự mình vào thành khát thực. Cha mẹ Thủ-lung-na nghe con mình đem thức ăn này dâng cúng cho các Tỳ-kheo, rồi tự mình khát thực, nên từ đó về sau không đưa thức ăn nữa.

2. Giây Đàn Căng

Bấy giờ, Thủ-lung-na đến ở bên sông Ôn thủy, trong rừng Thi-đà¹⁴⁵¹, siêng năng tinh tấn kinh hành, đến độ bàn chân rỉ máu, khiến chỗ kinh hành đất dính đầy máu như chỗ lò sát sinh. Thủ-lung-na ở chỗ vắng tư duy như vậy: Nay ta siêng năng tinh tấn, trong hàng đệ tử của Đức Phật không có ai hơn. Tại sao không được vô lậu giải thoát? Gia đình ta có của cải, có thể vui sống, tùy ý làm việc phước đức. Hay là ta xả giới về nhà, không tiếp tục làm đạo nữa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết tâm niệm đó của Thủ-lung-na nên trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi tay, từ Kỳ-xà-quật đến rừng Thi-đà, thấy chỗ kinh hành đất dính máu như lò sát sinh. Ngài biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Ai kinh hành nơi đây mà đất dính máu, như chỗ lò sát sinh thế này?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Tỳ-kheo Thủ-lung-na siêng năng tinh tấn kinh hành, bàn chân rỉ máu, nên đất dính máu như vậy.

Đức Phật bảo kêu Thủ-lung-na đến. Tỳ-kheo vâng lời dạy của Đức Phật đến chỗ Thủ-lung-na nói:

- Đức Thế Tôn bảo kêu Thầy đến.

Thủ-lung-na nghe Đức Phật kêu liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài rồi lui ra ngồi một bên. Đức Phật biết mà vẫn cố hỏi:

- Vừa rồi ở nơi chỗ vắng ông nghĩ như vậy: “Nay ta siêng năng tinh tấn, trong hàng đệ tử của Đức Phật không có ai hơn. Tại sao không được vô lậu giải thoát? Gia đình ta có của cải, có thể vui sống, tùy ý làm việc phước đức. Hay là ta xả giới về nhà, không tiếp tục làm đạo nữa.” Có thật vậy chăng?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn nói:

- Nay Ta hỏi ông. Cứ tùy ý mà trả lời. Khi ông còn ở nhà, có hay chơi đàn không?

- Bạch Đức Thế Tôn, đúng như vậy, lúc còn ở nhà con hay chơi đàn.

- Nay Thủ-lung-na, khi dây đàn căng quá thì âm thanh có tốt hay không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không.

1451. Thi-đà lâm 尸陀林. Pali: Sītavana, bãi tha-ma ngoài thành Vương-xá. Chỗ thiêu vất xác người chết.

- Nay Thủ-lung-na, khi dây đàn chùng, âm thanh có tốt hay không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không.

- Nay Thủ-lung-na, khi dây đàn không chùng không căng quá, thì âm thanh có tốt hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, âm thanh tốt.

Đức Thế Tôn nói:

- Cũng vậy, nay Thủ-lung-na, nếu tinh tấn quá thì bị chao động. Ít tinh tấn thì sinh biếng nhác. Nên tinh tấn vừa phải đối với các căn¹⁴⁵².

Thủ-lung-na nghe Đức Phật lược nói giáo giới rồi, một mình ở nơi chỗ vắng siêng năng tinh tấn, tâm không phóng dật, đầu đêm, sau đêm kính giác lòng mình, tu hành pháp trợ đạo, để đạt mục đích của người xuất gia, không bao lâu đắc quả, ngay trong đời này mà chứng đắc vô thượng tịnh hạnh, biết rằng, “Sự sinh đã dứt; phạm hạnh đã vững; điều cần làm đã làm xong; không còn tái sinh đời sau nữa.” Thủ-lung-na đắc đạo A-la-hán.

3. Sáu Tín Giải

Khi Thủ-lung-na đắc đạo A-la-hán rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên bạch Phật.¹⁴⁵³

- Nếu có Tỳ-kheo đạt được A-la-hán rồi, dứt sạch các hữu lậu, vị ấy an lạc trong sáu trường hợp:¹⁴⁵⁴ an lạc với xuất ly, an lạc nơi sự không sân hận, an lạc nơi đời sống tịch tĩnh, an lạc nơi sự diệt tận ái dục, an lạc nơi sự diệt tận thủ uẩn, an lạc nơi sự không si. Nếu có Tỳ-kheo đạt được A-la-hán, sạch các hữu lậu, vị ấy an lạc nơi sáu xứ này. Bạch Đức Thế Tôn, có trường hợp nào không y nơi tín mà được xuất ly hay chăng?

- Không nên có ý nghĩ là không y trên tín mà có an lạc nơi sự xuất ly để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.¹⁴⁵⁵

- Bạch Đức Thế Tôn, có trường hợp nào, không y vào trì giới mà

1452. Cf. Vin.i. 183: accāraddhavīriyam uddhaccāya sanvattati, atilīnavīriyam kosajjāya sanvattati...indriyānañca samatam panivijjha, “nỗ lực tinh tấn thái quá đưa đến loạn động. Ít gắng sức tinh tấn sinh ra dã dượi. Hãy giữ các căn quân bình.”

1453. Tham chiếu, Trung A-hàm 29 (T01, tr.611c), Tập A-hàm 9 (T02, tr.62b), Tăng nhất 1> (T02, tr.162). Pali, A. iii. >74 Sona-sutta.

1454. Cf. Vin.ībid., chandhāni adhimutto, sáu thắng giải hay tín giải (xác tín): nekkhamma, xuất ly hay thoát ly gia đình; paviveka, viễn ly hay sống ẩn dật; avyāpajja, không thù hận; upādānakkhata, đã sạch các thủ (phiền não); tanhakkhaya, ái tận; asammoha, vô si.

1455. Tham chiếu, Pali, Vin.i.ībid., “Chớ có quan điểm rằng, tôn giả này duy chỉ y trên tín mà có tín giải về sự xuất ly... Y trên sự diệt tận của tham, do ly tham, có tín giải về xuất ly. Y trên sự diệt tận sân, do vô sân, mà có tín giải xuất ly...”

được an lạc nơi sự không sân nhuế hay chăng?¹⁴⁵⁶

- Không nên có ý nghĩ là không y vào trì giới mà có an lạc nơi sự không sân nhuế để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.

- Bạch Thế Tôn, có trường hợp nào, không đoạn các lợi dưỡng mà có an lạc nơi sự tịch tĩnh¹⁴⁵⁷ hay chăng?¹⁴⁵⁸

- Không nên có ý nghĩ là không đoạn lợi dưỡng mà có an lạc nơi sự tịch tĩnh để đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.

- Vị kia do có sự an lạc nơi ái tận, an lạc nơi sự diệt tận thủ uẩn, an lạc nơi vô si mà đạt được đạo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, diệt tận dục, vô dục, diệt tận nhuế, không còn nhuế, diệt tận si, vô si.

- Tỳ kheo như vậy tâm giải thoát hữu lậu, đối với sắc được nhận thức nhiều bởi con mắt, huệ giải thoát, tâm giải thoát, cả hai đều không nhiễm ô. Thức không cùng với tạp sắc, trú thiền thứ tư. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn, cũng như núi đá lớn nguyên vẹn, không bị sứt, không không bị thủng, không kẻ nứt. Nếu từ phương đông có trận mưa to gió lớn đưa đến thì núi này không bị di chuyển, không bị lay động. Từ phương nam, tây, bắc cũng như vậy. Cũng vậy, bạch Đức Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo được đạo A-la-hán, tâm được giải thoát, dứt sạch các hữu lậu, đối với sắc được nhận thức nhiều bởi con mắt, huệ giải thoát, tâm giải thoát, cả hai đều không nhiễm ô, thức không cùng với tạp sắc, trú thiền thứ tư. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

Nói như vậy rồi nói kệ:

*Người tin tưởng xuất ly
Tỳ-kheo ưa vắng lặng
Ưa thích không sân nhuế
Và an lạc nơi ái tận
An lạc không thủ uẩn,
Tâm không còn ngu si,
Xét biết không khởi nữa;
Từ đây được giải thoát.
Chính nhờ giải thoát này*

1456. Tham chiếu Pali, ibid., “Đừng nên có quan điểm rằng, tôn giả này tin giới cấm thủ (sīlabbataparāmāsa) là tối thắng, do đó mà có tín giải nơi sự không nào hại.”

1457. Tịch tĩnh; Pali: paviveka: viễn ly, sống xa lánh, ẩn dật.

1458. Tham chiếu Pali, ibid., “Đừng có quan điểm rằng, tôn giả này vì tham trước lợi dưỡng mà có tín giải nơi sự viễn ly.”

*Liên được tâm tĩnh lặng.
 Đã đạt được vô quán,
 Không còn gì phải làm.
 Thí như hòn núi lớn
 Gió không thể hoại được.
 Sắc, thanh cũng như vậy,
 Cùng hương, vị, xúc, pháp;
 Đối với pháp thiện ác,
 Kẻ trí không dao động
 Tâm an trụ giải thoát,
 Mà quán sự diệt tận.¹⁴⁵⁹*

Thủ-lung-na sau khi nói bài kệ như vậy, được Đức Phật ấn chứng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Đức Phật kính lễ sát chân rồi cáo lui.

Thủ-lung-na ra đi không lâu, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tự ghi nhận như vậy về sự đắc đạo. Chỉ nói về nghĩa, chứ không nói thẳng là đã đắc. Đừng nên như những Tỳ-kheo ngu si kia hoan hỷ tự ghi nhận, rồi sau không có sở đắc, luống tự khổ nhọc.

Một hôm, Thủ-lung-na đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân rồi lui ngồi qua một bên, Đức Phật bảo Thủ-lung-na:

- Bình sinh của ông quen sung sướng, không quen đi bộ. Cho phép ông ở trong chùa mang dép một lớp.

Thủ-lung-na liền bạch Phật:

- Con đã xả bỏ năm cỗ voi chúa, xuất gia làm đạo. Nay nếu con mang giày một lớp không khỏi có người cười rằng, Thủ-lung-na bỏ năm cỗ voi chúa, xuất gia làm đạo, lại tham dép một lớp. Nếu Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo dùng thì con mới dùng.

Đức Phật im lặng chấp nhận và do nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, vì các Tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà, thiếu dục tri túc, ưa xuất ly, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ, cho phép khi ở trong chùa được mang dép một lớp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo mang dép một lớp, không bao lâu bị lủng hư. Đức Phật cho dùng vỏ cây hoặc da vá lại, dùng chỉ để may. Nếu bị đứt thì nên dùng gân hay lông may lại. Bấy giờ cần dùi để dùi, Tỳ-kheo

1459. Tham chiếu Pali, inid., ahitam cittam vippamuttam, vayañcas-sānupassatīti, Tâm đã giải thoát, an trụ; vị ấy quan sát sự chìm xuống của nó.

bạch Phật. Đức Phật cho phép sử dụng dùi để dùi. ¹⁴⁶⁰